

Bản án số: 77/2024/DS-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa** và ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Dương** – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q** (Sau đây ghi tắt là MB)

Trụ sở: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Trung T** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 – Ngân hàng TMCP Q (Sau đây ghi tắt là MBAMC). Địa chỉ: Số C L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D. Chức vụ: Tổng giám đốc. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB.MBAMC ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Q).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Việt T1. Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ. (vắng mặt)

+ Ông Huỳnh Lê Thanh H. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

+ Ông Trương Phương N. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (vắng mặt)

+ Ông Lê Mạnh C. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng C, số A L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Theo Văn bản ủy quyền số 173/UQ-MBAMC ngày 13/3/2024)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số H T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Hiện đang bị tạm giam

tại Nhà tạm giữ Công an quận H, thành phố Đà Nẵng trong một vụ án hình sự khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Huỳnh Lê Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ (Bên vay đồng thời là Bên thế chấp) và Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh N1 (Bên cho vay – M) đã cùng ký kết cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 cùng Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số LD1923903938 ngày 27/8/2019 để vay số tiền 4.900.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Mục đích vay: Mua bất động sản; ngày nhận nợ 27/8/2019; Lãi suất: theo quy định từng thời kỳ; Ngày đến hạn 27/8/2034.

2. Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, địa chỉ Lô A, khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 899997, số vào sổ cấp GCN: CTs 190773 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/7/2019 đứng tên ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ.

Việc thế chấp đã được ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ và M ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 915677.19.306.5399545.BĐ ngày 23/8/2019. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

3. Sự vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dư nợ:

Sau khi vay vốn, ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ nêu trên. Trong thời gian vay vốn ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ chỉ mới trả được 1.364.018.954 đồng nợ gốc và 2.138.792.616 nợ lãi. Kể từ ngày 11/12/2023, ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ đã để khoản vay quá hạn và M đã chuyển toàn bộ khoản vay thành khoản nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 22/8/2024, dư nợ của ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ tại M theo Hợp đồng cho vay nói trên như sau:

- Nợ gốc: 3.535.981.046 đồng
- Nợ lãi: 363.695.658 đồng

Tổng cộng: 3.899.676.704 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ để yêu cầu trả nợ nhưng bên vay không thực hiện và cố tình chây ì không hợp tác. MBAMC đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng theo đúng quy định.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên Ngân hàng TMCP Q kính đề nghị HĐXX xem xét giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bên vay là ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng cùng các Khế ước nhận nợ đính kèm đã ký giữa hai bên với số tiền tạm tính đến hết ngày 22/8/2024 là

3.899.676.704 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 3.535.981.046 đồng, dư nợ lãi là: 363.695.658 đồng.

2. Buộc Bên vay là ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay cùng khế ước nhận nợ đính kèm đã ký kể từ ngày 23/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho MB, thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, địa chỉ Lô A, khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 899997, số vào sổ cấp GCN: CTs 190773 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/7/2019 đứng tên ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB.

4. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Q.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 30/5/2024, ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ trình bày:

Ông Đ xác nhận có ký kết Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 cùng Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số LD1923903938 ngày 27/8/2019 để vay số tiền 4.900.000.000 đồng, ông đã được MB giải ngân đầy đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 12/2023 thì ông có hành vi vi phạm pháp luật và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ thừa nhận tính đến ngày 29/5/2024, ông còn nợ của của Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.789.348.445 đồng. Trong đó: tiền gốc là: 3.535.981.046 đồng; tiền lãi là 253.367.399 đồng theo Ngân hàng TMCP Q trình bày tại Đơn khởi kiện là đúng.

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông Đ đồng ý thanh toán khoản nợ mà Ngân hàng yêu cầu. Tuy nhiên, hiện nay ông đang bị tạm giam nên không xử lý được khoản nợ trên. Do vậy, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả khoản nợ trên sau khi chấp hành xong bản án về lại địa phương.

Ngày 11/6/2024, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, địa chỉ Lô A, khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 899997, số vào sổ cấp GCN: CTs 190773 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/7/2019 đứng tên ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định: Về đất và nhà ở, công trình xây dựng trên đất đều không có thay đổi so với thông tin được ghi nhận tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thời điểm thế chấp. Hiện nay, có bà Phạm Thị L, sinh năm 1960 (mẹ ruột của ông Đ) và 03 con của ông Đ là cháu Nguyễn Đức A, sinh năm 2013; cháu Nguyễn Đức T2, sinh năm 2015; cháu Nguyễn Đức P, sinh năm: 2017 và một cháu gái 03 tuổi (tên thường gọi ở nhà là V) đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Cùng ngày, bà Phạm Thị L có Đơn trình bày ý kiến có nội dung: Bà xác nhận hiện nay bà và 04 con của ông Đ đang sinh sống tại địa chỉ khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Đây là tài sản riêng của con bà (ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ), bà không có đóng góp gì trong việc hình thành, xây dựng khối tài sản trên. Do vậy, bà đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng trong vụ án về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Huỳnh Lê Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn – ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt với lý do ông đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận H trong một vụ án hình sự khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết nên hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía MB đã tiến hành giải ngân một lần toàn bộ số tiền 4.900.000.000 đồng cho ông Đ theo Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số LTI19232000160.ST01/LD1923903938 ngày 27/8/2019.

Về phía ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ: Sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền trên, ông Đ cũng đã thanh toán cho MB một phần nợ bao gồm 1.364.018.954 đồng nợ gốc và 2.138.792.616 nợ lãi. Ông Đ bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 11/12/2023 đến nay vì lý do ông Đ có hành vi vi phạm pháp luật và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận H, thành phố Đà Nẵng.

Như vậy, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024) là **3.899.676.704 đồng**. Trong đó: Dư nợ gốc là 3.535.981.046 đồng, dư nợ lãi là: 363.695.658 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 93 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 23/8/2024 cho đến khi ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ trả dứt điểm số nợ trên theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký là có cơ sở, phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 915677.19.306.5399545.BĐ ngày 23/8/2019 và yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, địa chỉ Lô A, khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 899997, số vào sổ cấp GCN: CTs 190773 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/7/2019 đứng tên ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2024, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Tài sản trên vẫn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ. Về đất và nhà ở, công trình xây dựng trên đất đều không có thay đổi so với thông tin được ghi nhận tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thời điểm thế chấp.

Xét thấy, việc thế chấp đã được ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ và M ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 915677.19.306.5399545.BĐ ngày 23/8/2019, Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết, đã được đăng ký thế chấp theo quy định nên hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 là phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn - ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 109.993.534 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q đã nộp và chi phí xong. Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn – Ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải hoàn trả chi phí tố tụng khác với số tiền là 3.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 161, Điều 323, Điều 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đức

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024) là **3.899.676.704 đồng**. Trong đó: Dư nợ gốc là 3.535.981.046 đồng, dư nợ lãi là: 363.695.658 đồng.

Kể từ ngày 23/8/2024, ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số LTI19232000160.ST01/LD1923903938 ngày 27/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ không thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 915669.19.306.5399545.TD ngày 23/8/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số LTI19232000160.ST01/LD1923903938 ngày 27/8/2019 thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 915677.19.306.5399545.BĐ ngày 23/8/2019 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, địa chỉ Lô A, khu B đường N, khu phức hợp đô thị, thương mại, dịch vụ cao tầng (H), phường N, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 899997, số vào sổ cấp GCN: CTs 190773 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/7/2019 đứng tên ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải chịu 109.993.534 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 52.840.566 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000093 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn La Tứ Thành Đa Đ phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa